TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Â T** **TỈNH H Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 09/2019/HNGĐ - ST
Ngày 10 tháng 05 năm 2019
" *V/v ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Â T- TỈNH H Y
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà **L Th Th**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Ng T N**– Chủ tịch HPN huyện Â T
Ông **L V Đ** – Bí thư đoàn thanh niên huyện

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **D M H** - CBTA.
Đại diện VKS tham gia phiên toà: Ông **Đ V T** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Â T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/DSST - QĐXX ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị L T Hg SN 19**
HKTT: B H, Q L, Â T, H Y
- *Bị đơn:* **Anh H V H SN 19**
HKTT: B H, Qg L, Â T, H Y
Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 4 Ba Vì – Hà Nội
- *Người có quyền lợi liên quan*:
Cháu **Hoàng Văn Đ SN 2008**
Cháu **Hoàng Thị Hồng H SN 2010**
Cháu **Hoàng Văn Đ SN 2012**
- *Người đại diện cho cháu Đ, cháu H*: **Anh H**
- *Người đại diện cho cháu Đ:* **Chị H**
(Chị H, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2018 của chị Hg và các lời khai của chị H, anh H trong quá trình giải quyết vụ án được thể hiện như sau:

Chị Hg, anh H quen biết nhau được khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Qg L vào tháng 10/2010. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng chỉ hòa thuận được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống, mặt khác cũng do anh H chơi bời thường xuyên uống rượu, không làm chủ được bản thân nên đã mắc nghiện ma túy không tu chí làm ăn. Anh còn hay đánh, chửi chị H làm cho tình cảm vợ chồng lạnh

nhạt, có nhiều khoảng cách, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Còn theo anh H: nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị H đi làm công ty đã phát sinh nhiều mối quan hệ không tốt đẹp, có quan hệ bất chính với người khác đã làm con người cô H thay đổi rất nhiều, không quan tâm đến gia đình, luôn tỏ thái độ thờ ơ, gia đình khuyên bảo nhiều lần những cô Hương không thay đổi. Do cuộc sống không hạnh phúc nên từ năm 2014, chị Hg và anh H đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tháng 12/2018, anh H sử dụng trái phép chất ma túy và bị công an quận B Đ – H N bắt cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc số 04 Ba Bì – Hà Nội. Nay chị H, xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh H nữa, vì vậy chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Còn quan điểm của anh H không nhất trí ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Chị H, anh H có 03 con chung Hoàng văn Đ SN 2008; Hoàng Thị Hồng H SN 2010; Hoàng Văn Đ SN 2012. Vợ chồng ly hôn, cả chị H, anh Hđều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 3 con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H, anh H không yêu cầu giải quyết.

Lời khai ông L – Bố đẻ anh Hthể hiện: Chị H và anh Hkết hôn với nhau tự nguyện và theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, nguyên nhân chủ yếu do chị H đi làm công ty có quan hệ không đứng đắn với người khác, không quan tâm đến gia đình và thường xuyên nói dối để đi chơi. Gia đình và anh H cũng đã khuyên bảo nhiều nhưng chị H không thay đổi. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2014 không ai quan tâm đến ai. Hiện nay anh H đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở số 4 Ba Vì – Hà Nội. Vợ chồng anh H có 03 con chung Hoàng văn Đ SN 2008; Hoàng Thị Hồng H SN 2010; Hoàng Văn Đ SN 2012. Hai cháu Đ và H hiện đang ở cùng vợ chồng ông, cháu Đ ở cùng chị H. Vợ chồng anh H có hay không có tài sản chung ông không biết.

Lời khai ông H – Bố đẻ chị H thể hiện: Quá trình ăn ở với nhau giữa chị H, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn nảy sinh là do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn, nghiện ma túy. Gia đình đã khuyên bảo những anh H không nghe, có lời nói không đúng mực với chị H cũng như với gia đình ông, gây bức xúc. Do vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 không ai quan tâm đến ai. Tháng 12/2018, anh H bị bắt và hiện đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 4 Ba Vì – Hà Nội. Vợ chồng anh H có 03 con chung Hoàng văn Đ SN 2008; Hoàng Thị Hồng H SN 2010; Hoàng Văn Đ SN 2012. Hai cháu Đ và H ở với ông bà nội, cháu Đ ở cùng chị H.

Xác minh với chính quyền địa phương thể hiện anh H, chị Hg có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tháng 12/2018, anh H sử dụng trái phép chất ma túy bị công an Hà Nội bắt và hiện nay đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện số 4 Ba Vì – Hà Nội. Vợ chồng anh H có 03 con chung Hoàng văn Đ SN 2008; Hoàng Thị Hồng H SN 2010; Hoàng Văn Đ SN 2012. Vợ chồng anh H có hay không có tài sản chung địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, chị H, anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào vào Điểm a, b khoản 1 Điều 238 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của thư ký, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48,51 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng.

2.Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ vợ chồng: Vợ chồng anh H phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do anh H chơi bởi, không tu chí làm ăn, sử dụng trái phép chất ma túy đã làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, năm 2014 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, Tòa án đã triệu tập lấy lời khai, hòa giải tình cảm nhưng không thành do chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, vì cho rằng vợ chồng ly thân nhau đã 4 năm, vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh H vắng mặt không có lý do. Anh H không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên có đủ căn cứ xử cho chị H được ly hôn anh H.

Về con chung: Có 03 con chung Hoàng Văn Đ, SN 2008; Hoàng Thị Hồng H, SN 2010 và Hoàng Văn Đ, SN 2012. Hiện cháu Đức, cháu H ở cùng ông bà nội, cháu Đ ở với chị H và ông bà ngoại. Ly hôn cả chị H và anh H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Đ, cháu H có nguyện vọng ở với anh Hvà ông bà nội. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự đều chính đáng thể hiện tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ, nhưng anh H hiện nay đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 4 Ba Vì – Hà Nội, không có thu nhập, còn chị H có thu nhập ổn định và được sự giúp đỡ của bên ngoại. Vì vậy, nên giao cả ba con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Hiệp cấp dưỡng, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, chị H không được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của KSV tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Chị H và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q L, Â T, H Y vào năm 2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống với nhau anh chị chỉ hòa thuận, vui vẻ

được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tuy mỗi người đều đưa ra nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn khác nhau nhưng điều đó đã khẳng định có mâu thuẫn vợ chồng và hai bên đã không tìm được cách giải quyết nên đã ly thân nhau từ năm 2014 không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị Hg xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn anh H. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, việc anh H xin đoàn tụ là không có căn cứ.

Về con chung: Chị Hg và anh H có 03 con chung Hoàng văn Đ SN 2008; Hoàng Thị Hồng H SN 2010; Hoàng Văn Đ SN 2012. Vợ chồng ly hôn cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả ba con chung, điều này đã thể hiện được trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con chung. Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thấy rằng: Hiện nay anh H đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, thời gian cai nghiện còn dài nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung là không thể. Mặc dù quan điểm, nguyện vọng của hai cháu Đ và H ở với anh H và hiện nay hai cháu đang ở với ông bà nội. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật thì bố mẹ phải là người trực tiếp nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh H không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các con nên sẽ giao con chung cho chị H nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp vì chị H có đủ điều kiện, chị có công việc và thu nhập ổn định. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H, anh H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81;82;83 của Luật HNGĐ; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao các cháu Hoàng văn Đ SN 2008; Hoàng Thị Hồng H SN 2010; Hoàng Văn Đ SN 2012 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Anh H có quyền đi lại, thăm nom con chung, chị H không được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hương đã nộp theo biên lai thu tiền số 00001 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Â T). Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, nhận bản án.

Nơi nhận
- VKS cùng cấp

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- UBND xã Q L;
- Lưu HS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

L T T